TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2017
V/v "t/c hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Thanh Tùng.

2. Ông Võ Thành Trung.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-DS ngày 04/7/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Ô, xã T1, huyện T, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Long An.

* *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Túy B, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Long An;

(Bà N có mặt; ông T3 và bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền 172.450.000đ nợ gốc và 9.550.000đ tiền lãi, tổng cộng là 182.000.000đ. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B:

Ông T3 thống nhất là vợ chồng ông T3 và bà B còn nợ ông D số tiền nợ gốc 172.450.000đ, ông T3 đồng ý trả số tiền nợ trên và đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của ông D. Tổng cộng gốc và lãi là 182.000.000đ. Về thời gian trả ông T3 đề nghị đợi bà B về thì sẽ trả cho ông D.

Bà Phạm Thị Túy B đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà B vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất được: Ông D và ông T3 thống nhất từ năm 2013 đến năm 2016, vợ chồng ông T3 và bà B có mua phân bón thuộc bảo vệ thực vật của ông D, mục đích là để trồng lúa. Đến ngày 16/8/2016, hai bên có tiến hành chốt nợ với tổng số tiền nợ là 242.450.000đ, ông T3 và bà B có trả cho ông D được số tiền 70.000.000đ, còn nợ lại số tiền 172.450.000đ. Ông T3 và bà B có viết biên nhận nợ và hẹn thời gian 45 ngày sẽ trả. Tuy nhiên, ông T3 và bà B không trả theo thỏa thuận. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền 172.450.000đ nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng từ ngày 16/8/2016 đến ngày 23/6/2017 với số tiền 17.245.000đ. Ông D đồng ý giảm tiền lãi cho ông T3 và bà B và chỉ yêu cầu ông T3 và bà B trả số tiền nợ lãi là 9.550.000đ, ông T3 thống nhất trả số tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng, thống nhất việc ông D giảm số tiền lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D thì ông T3 đòng ý cùng bà B liên đới trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cho ông D, tổng số tiền gốc và lãi là 182.000.000đ. Ông D và ông T3 thống nhất chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận nợ là của bà B.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Ông D yêu cầu ông T3 và bà B phải liên đới trả số tiền nợ 182.000.000đ trong thời hạn một tháng và yêu cầu trả một lần. Ông T3 đề nghị thời gian trả nợ là đợi khi bà Phạm Thị Túy B về thì mới trả cho ông D. Bà Phạm Thị Túy B vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn ông T3 và bà B có địa chỉ cư trú tại xã T1, huyện T, tỉnh long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B: Ông T3 và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T3 và bà B.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D xác định ông D khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền 172.450.000đ nợ gốc. Ông T3 thừa nhận ông T3 và bà B có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông D và còn nợ số tiền gốc là 172.450.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D thì ông T3 đồng ý liên đới cùng bà B trả nợ cho ông D số tiền nợ nêu trên. Bị đơn bà Phạm Thị Túy B không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của ông D và ý kiến của ông T3 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của ông D có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền nợ lãi: Ông D yêu cầu ông T3 và bà B trả số tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày 16/8/2016 đến ngày 23/6/2017, làm tròn là 10 tháng, với tổng số tiền lãi là 17.245.000đ. Tuy nhiên, ông D đồng ý giảm lãi và chỉ yêu cầu ông T3 và bà B trả số tiền lãi 9.550.000đ. Ông T3 đồng ý với mức lãi suất mà ông D yêu cầu, đồng ý cùng bà B liên đới trả lãi cho ông D. Xét thấy, ông D yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 01%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận, ông D đồng ý giảm tiền lãi cho ông T3 và bà B là tự nguyện và có lợi cho ông T3 và bà B nên chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ, người đại diện theo ủy quyền của ông D xác định ông D yêu cầu ông T3 và bà B phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và lãi là 182.000.000đ. Ông T3 đồng ý cùng bà B liên đới trả nợ cho ông D. Xét thấy, ông T3 và bà B là vợ chồng, việc mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật là nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu sinh hoạt và kinh tế gia đình nên bà B phải có nghĩa vụ liên đới với ông T3 trả nợ cho ông D.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 182.000.000đ.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian và cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trong trường hợp ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B chậm trả thì ông T3 và bà B còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B phải liên đới chịu số tiền 9.100.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền gốc 172.450.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm

năm mươi ngàn đồng) và 9.550.000đ (chín triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) nợ lãi, tổng cộng gốc và lãi là 182.000.000đ (một trăm tám mươi hai triệu đồng).

Trong trường hợp ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B chậm trả thì ông T3 và bà B còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị Túy B phải liên đới chịu số tiền 9.100.000đ (chín triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D số tiền 4.742.000đ (bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu số 0003629 ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thật